Soạn: 21/ 9/ 2021- Dạy: /9/ 2021.

***Tuần 4- Tiết 16 - Tập làm văn:***

**SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH (Tiếp).**

**Hoạt động 2: Luyện tập:**

*a-  Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.*

*b- Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.*

*c- Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

**Phiếu học tập số 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV phân công làm việc nhóm:  Bài tập 1/trang 26  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** Đại diện BC.  **-**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV phân công làm việc cặp:  Bài tập 2,3/trang 26  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** | **II- Luyện tập:**  **Bài 1:**  - Thân chuối : cây không cao lắm, chỉ khoảng hai mét to bằng cột nhà, thẳng đứng, càng lên trên cây càng thon nhỏ lại. Thân chuối có nhiều lớp bẹ ốp chặt vào nhau bóng loáng màu xanh nhạt, sờ tay vào thấy mọng nước và mát lạnh. Thân chuối non( chuối tây, hột) có thể thái ghém làm rau sống ăn rất mát. Thân chuối già có thể tước lấy sợi phơi khô dùng làm dây câu cá hoặc tết lại làm dây đeo đồ trang sức, cũng có khi cây chuối kết lại thành bè để trẻ em mùa hè tha hồ vùng vẫy tập bơi.  - Lá chuối: Ở ngọn có nhiều tàu lá dài xòe ra như những cái quạt lớn, lá chuối dài, to bản màu xanh đậm, chính giữa có sống màu xanh nhạt, trên ngọn những đọt lá non nảy lên, cuộ trong và chọc thẳng lên trời rồi nở dần ra nõn nà như tấm lụa xanh. Lá chuối tươi dùng để gói bánh, bọc ngoài giò lợn tạo mùi thơm đặc trưng. Lá chuối khô dùng đẻ gói hàng. Ở nông thôn ngày xưa vào mùa rét, người ta thường lấy lá chuối khô lót chỗ nằm rất êm và ấm.  - Bắp chuối: Từ trên ngọn những cây chuối trưởng thành mọc ra một cuống trái màu xanh và một bắp chuối màu đỏ hồng. Hoa chuối nở để lộ những nải chuối xinh xinh màu xanh nhạt xếp thành tầng tạo thành buồng chuối dày đặc quanh cuống. Buồng chuối ngày càng lớn, càng dài và nặng dần kéo cây ngả về một phía. Càng xuống dưới đỉnh cuống, quả chuối nhỏ dần, mỗi nải chen chúc nhau khoe những quả căng mọng to bằng bắp tay em bé 1 tuổi. Người ta có thể tận dụng những bông hoa chuối tây đã nở hết quả để thái thành sợi nhỏ ăn sống, xào luộc hoặc tạo món nộm hoa chuối .  - Quả chuối tiêu xanh có thể bẻ đôi chữa hắc lào. Quả chuối hột xanh thái lát mỏng, phơi khô xao vàng hạ thổ tán bột là một vị thuốc quý của đông y. Quả chuối tây chín có thể thái lát, tẩm bột rán ăn ngon tuyệt.  - Củ chuối: Phần dưới cùng của cây là củ chuối nằm trong đất. Nếu gọt bỏ lớp vỏ màu nâu sẫm, củ sẽ có màu trắng đục như màu củ đậu. Đem củ chuối đã gọt thái sợi, luộc bỏ nước chát mà xào với thịt ếch thì cứ gọi là người ăn phải nhớ mãi.  **Bài 2:**  Các yếu tố miêu tả:  - Tách là một loại chén...không có tai.  - Khi mời ai uống trà...uống rất nóng.  **Bài 3 (trang 26 sgk ngữ văn 9 tập 1)**  Một vài câu miêu tả trong văn bản “trò chơi ngày xuân”:  - “Những con thuyền thúng nhỏ mang theo các làn điệu dân ca… trầm tĩnh”.  - Lân được trang trí công phu, râu ngũ sắc, lông mày bạc, mắt lộ to, thân hình có các họa tiết đẹp.  - Hai ông tướng (tướng ông, tướng bà) của từng bên đều mặc trang phục xưa lộng lẫy, có cờ đuôi nheo đeo chéo phía sau. |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

*a-  Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.*

*b- Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.*

- GV yêu cầu: Viết một đoạn văn thuyết minh về cây phượng, trong đó có ít nhất hai câu có yếu tố miêu tả

*c- Sản phẩm: Câu trả lời của HS*

*d- Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

Chuẩn bị cho bài sau: "Luyện tập...trong văn bản thuyết minh"

+ Đề bài "Con trâu ở làng quê Việt Nam"

- Làm bài tập còn lại sgk và vở bài tập.

- Chuẩn bị: Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả...

----------------------------------------------------------

Soạn: 22/ 9/2021- Dạy: / 9/ 2021

***Tiết 17,18,19- Tập làm văn:***

**LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YỂU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH.**

**A- Mục tiêu cần đạt:**

*1- Về kiến thức:*

- Những yếu tố miêu tả trong bài văn TM.

- Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn TM.

2- Về năng lực:

Viết đoạn văn, bài văn TM sinh động, hấp dẫn

*3- Về phẩm chất:*

Chăm chỉ, trách nhiệm trong việc đưa yếu tố miêu tả vào bài văn TM.

**B- Thiết bị dạy học và học liệu:**

- Thầy: Giáo án, sgk, sgv.

- Trò: sgk, vở ghi, vở bài tập.

**C- Tiến trình dạy học.**

**Hoạt động 1: Khởi động**

*a-  Mục tiêu: :*

*- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.*

*b- Nội dung: HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.*

*c- Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

**Phiếu học tập số 1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS hãy kể tên 1 bài thơ, bài hát hoặc bài ca dao nói về con trâu.

Gợi ý:

Trâu ơi ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

Cấy cày nối nghiệp nông gia

Ta đây trâu đấy ai mà quản công

Hoặc:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**GV dẫn dắt:** Con trâu là loài vật gần gũi gắn bó với người nông dân Việt Nam. Để cung cấp tri thức khách quan( đặc điểm sinh học, sự gắn bó với nó trong đời sống vật chất và tinh thần)hình dung về nó một cách sống động như  những bức tranh này chúng ta cần sử dụng yếu tố miêu tả. Cách sử dụng  yếu tố miêu tả như thế nào-> Tìm hiểu bài hôm nay.

**Hoạt động 2: Luyện tập.**

*a-  Mục tiêu: Biết cách tìm ý và lập dàn ý cho bài văn TM*

*b- Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV*

*c- Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| Hđ của Gv- Hs | Sản phẩm dự kiến |
| **Phiếu học tập số 2.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Đề bài thuộc thể loại?  yêu cầu trình bày vấn đề gì ?  Phạm vi của đề bài ?  ? Với vấn đề này ta cần phải t/ b những ý nào ?  ? Ta có thể sử dụng những ý nào trong bài thuyết minh khoa học ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3: Báo cáo, thảo luận**.  **B4: Kết luận, nhận định:**  **Phiếu học tập số 3.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  TLN: Lập dàn ý đề trên.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **B3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS | **I- Chuẩn bị.**  Đề bài : *Con trâu ở làng quê VN.*  ***1- Tìm hiểu đề.***  - Thể loại : Thuyết minh.  - Đối tượng: Con trâu ở làng quê VN  -Yêu cầu: Viết bài văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả.  ***2- Tìm ý, lập dàn ý:***  a- Tìm ý: Vai trò và vị trí của con trâu trong đời sống của làng quê VN  + Con trâu trong nghề làm ruộng.  + Con trâu là tài sản lớn của nhà nông.  + Con trâu trong lễ hội đình đám.  + Con trâu đối với trẻ em.  + Con trâu đối với việc cung cấp thực phẩm và chế biến đồ mĩ nghệ.  b- Lập dàn ý.  MỞ BÀI: Giới thiệu chung về con trâu trên đồng ruộng VN.  THÂN BÀI:  **\* Nguồn gốc của con trâu.**  - Con trâu V.Nam là loài trâu rừng được thuần hóa.  - Con trâu Việt Nam thuộc nhóm trâu đầm lầy, thường sống ở mièn khí hậu nhiệt đới.  **\* Đặc điểm của trâu.**  - Trâu là loài động vật thuộc lớp thú, lông trâu có màu xám, xám đen, trắng…  - Trâu có thân hình vạm vỡ, thấp, ngắn; bụng to; mông dốc; đuôi dài thường xuyên phe phẩy; bầu vú nhỏ; sừng hình lưỡi liềm…  - Trâu thuộc loài nhai lại.  - Trâu chỉ có 1 hàm răng trên (+ Kể chuyện vì sao trâu chỉ có 1 hàm răng)  - Mỗi năm trâu đẻ một lứa và mỗi lứa một con  **\* Vai trò**  - Con trâu trong đời sống vật chất:  + Là tài sản lớn của người nông dân VN ( đầu cơ nghiệp).  + Là công cụ lao động quan trọng: kéo cày, bừa (1 ngày cày được 3-4 sào), kéo xe, chở lúa…  + Là nguồn cung cấp thực phẩm: thịt trâu có hàm lượng đạm khá cao, hàm lượng chất béo thấp. Sữa trâu có tính năng cao trong việc cung cấp chất đạm, chất béo.  + Da trâu làm mặt trống, làm giày. Sừng trâu làm đồ mĩ nghệ như lược, tù và,...  - Con trâu trong đời sống tinh thần:  + Gắn bó với người nông dân như người bạn thân thiết( Trâu ơi ta bảo trâu này…  + Gắn bó với tuổi thơ: Đó là hình ảnh chú bé mục đồng ngồi vắt vẻo trên lưng trâu đọc sách hay hình ảnh các chú bé đang ngồi trên lưng trâu nghiêng nghiêng cái đầu trái đào với cây sáo trúc... Những hình ảnh tuyệt vời đó đã trở thành nguồn cảm hứng cho những nghệ nhân làng tranh Đông Hồ và cũng là nguồn cảm hứng cho các tác giả dân gian:  + Trong lễ hội đình đám:  . Hội chọi trâu ở Đồ Sơn – Hải Phòng: Những chú trâu được chăm sóc, luyện tập rất chu đáo. Con nào con nấy vạm vỡ, sừng cong như hình vòng cung, nhọn hoắt, da bóng loáng, mắt trắng, tròng đỏ chỉ chờ vào sân đấu. Trong tiếng trống giục giã, trong tiếng hò reo cổ vũ của mọi người hai con trâu lao vào nhau mà húc, mà chọi  . Lễ hội đâm trâu ở Tây Nguyên:  Con trâu bị giết được đem xẻ thịt chia đều cho các gia đình trong buôn làng cùng liên hoan mừng một vụ mùa bội thu.  . Là biểu tượng của Sea Game 22 Đông Nam Á được tổ chức tại Việt Nam: Với hình ảnh “trâu vàng” trong SEA GAMES 22, trâu không chỉ là giống vật nuôi quen thuộc của người nông dân Việt Nam mà đã trở thành hình ảnh thú vị đối với bạn bè quốc tế.  - Ngày nay, nhiều loại máy móc hiện đại đã xuất hiện trên cánh đồng làng Việt Nam nhưng con trâu vẫn là con vật không thể thiếu đối với người nông dân. Hình ảnh con trâu cần cù, chung thủy mãi mãi in sâu trong trái tim mỗi người dân Việt Nam.  KẾT BÀI:  Tình cảm của người nông dân với con trâu.  ***3- Vb khoa học giới thiệu về con trâu.***  Có thể vận dụng tri thức về sức kéo, sức cày. |

**II- Viết thành bài hoàn chỉnh:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**NV1 : GV đặt câu hỏi :** Khi thuyết minh, để văn bản sinh động hấp dẫn cần phải làm gì ?

+ Sử dụng biện pháp NT

+ Sử dụng yếu tố miêu tả?

**NV2 :** Ta có thể sử dụng yếu tố miêu tả ở phần nào?

\* Hoạt động nhóm lớn (7 phút)

**Nhóm 1:**Con trâu khi làm việc. **Nhóm 2:**Con trâu trong lễ hội. **Nhóm 3:**Con trâu với tuổi thơ.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

\* Xây dựng đoạn mở bài :

Có lẽ trong tâm trí mỗi người nông dân Việt Nam cho dù đến khi đã trưởng thành, đã đi xa thì hình ảnh con trâu vẫn luôn là hình ảnh thân thuộc gần gũi. Là một đất nước gắn liền với nền sản xuất nông nghiệp lúa nước nên ở bất cứ vùng quê nào ta cũng thấy xuất hiện hình bóng con trâu trên đồng ruộng. Với thân hình vạm vỡ, to khoẻ, sức kéo lớn gấp nhiều lần sức người, con trâu đã trở thành một công cụ sản xuất quan trọng không thể thiếu của bà con nông dân Việt Nam..

\* Mở bài: Bao đời nay, hình ảnh con trâu kéo cày trên đồng ruộng đã trở thành hình ảnh quen thuộc gần gũi của làng quê VN, trâu trở thành người bạn tâm tình của người nông dân: " Trên đồng cạn....đi bừa"

**\* Đoạn văn giới thiệu con trâu khi làm ruộng** :

Có thể nói, trước kia khi các tiến bộ khoa học kỹ thuật chưa được áp dụng, các loại máy cày, máy kéo chưa được đưa vào đồng ruộng thì con trâu là con vật kéo cày rất đắc lực cho nhà nông. Với sức kéo khoẻ và bền bỉ, một ngày trâu có thể cày được 3- 4 sào ruộng. Ngoài  cày bừa ra, trâu còn kéo xe, chở lúa, trục lúa.

\* Con trâu trong lễ hội :

Không chỉ là người bạn thân thiết trong việc đồng áng, con trâu còn là nhân vật rất quan trọng trong một số lễ hội truyền thống ở các vùng quê Việt Nam  . Con trâu là một trong những vật tế thần trong lễ hội đâm trâu ở Tây Nguyên ; là n/vật chính trong lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn.

\* Con trâu với tuổi thơ :

Không có ai sinh ra và lớn lên ở các làng quê Việt Nam  mà lại không có tuổi thơ gắn bó với con trâu. Thuở nhỏ, khi đưa cơm cho cha đi cày, được ngắm nhìn những con trâu đang mải mê gặm cỏ trên triền đê một cách ngon lành. Lớn lên một chút, nghễu nghện cưỡi trên lưng trâu trong những buổi chiều trên bờ đê, tắm cho trâu dưới dòng sông xanh mát, cùng thả diều khi đứng trên lưng trâu....thật là thú vị biết bao. Con trâu hièn lành, ngoan ngoãn để để lại trong kí ức tuổi thơ biết bao kỉ niệm êm đềm nhung nhớ

\* Thân bài: Chiều chiều, khi 1 ngày lao động đã tạm dừng, con trâu được tháo cày và lững thững, thủng thẳng bước trên đường làng, miệng luôn "nhai trầu bỏm bẻm". Khi ấy cái dáng đi khoan thai, chậm rãi của con trâu khiến cho người ta có cảm giác không khí của làng quê VN sao mà thanh bình, thân quen quá đỗi

\* Đoạn văn kết bài:

Với rất nhiều bản tính tốt và ích lợi như vậy nên tất cả những người nông dân đều thực sự yêu mến và quý trọng con trâu. Chẳng thế mà họ coi “ con trâu là đầu cơ nghiệp”, nhà có nhiều trâu tức là nhà có nhiều của. Hình ảnh con trâu đã, đang và sẽ mãi mãi đi sâu vào trong tâm trí của người nông dân. Một hình ảnh luôn gợi lên trong họ đời sống của một làng quê yên bình, no ấm.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS

**III. Nói và nghe.**

*a-  Mục tiêu: Tự tinh trình bày bài văn TM trước tập thể.*

*b- Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV*

*c- Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Em hãy trình bày bài viết của mình?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**Hoạt động: Vận dụng.**

*a- Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.*

*b- Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi của GV.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Các phương pháp thuyết minh | | | | | | Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng | | | | | | Yêu tố miêu tả | |
|  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  | |
| Tác dụng |  | | | | | | | | | | | | | |

*c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Các phương pháp thuyết minh | | | | | | Các biện pháp nghệ thuật thường sử dụng | | | | | Yêu tố miêu tả |
|  | phân loại | phân tích | liệt kê | so sánh, đối chiếu | Lấy VD | định nghĩa | Kể chuyện | Tự thuật | đối thoại | vè | Diễn ca |  |
| Tác dụng | **Sự vật được thuyết minh nổi bật, có hồn, trở nên gần gũi với con người, gây hứng thú cho người đọc.** | | | | | | | | | | | |

*d- Tổ chức thực hiện:*

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Nghe yêu cầu.

+ Viết bài.

+ Trình bày cá nhân.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+  Xem lại các yếu tố kết hợp trong văn bản thuyết minh.

+  Chọn đề văn thuyết minh để luyện tập tìm ý, lập ý. Viết một đoạn văn TM có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Chuẩn bị: Miêu tả trong văn bản tự sự.

Soạn: 23/ 9/ 2021- Dạy: / 9/ 2021

***Tiết 20- Văn bản:*** **CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG.**

***( Trích “ Truyền kì mạn lục”- Nguyễn Dữ.)***

**A- Mục tiêu cần đạt.**

*1- Về kiến thức .*

- Bước đầu làm quen với thể loại truyền kì: Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

- Hiện thực về số phận người phụ nữ VN dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ

- Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể chuyện.

- Mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện Vợ chàng Trương.

*2- Về năng lực.*

- Vận dụng kiến thức đã học để đọc- hiểu văn bản viết theo thể loại truyền kì.

- Cảm nhận được những chi tiết nt độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.

- Kể lại được truyện

*3- Về phẩm chất:*

Nhân ái, có cách nhìn nhận rộng lượng trong mọi mối quan hệ; trách nhiệm đấu tranh đòi sự công bằng; chăm chỉ học tập rèn luyện bản thân.

**B- Thiết bị dạy học và học liệu:**

+ Thầy: Giáo án, sgk, sgv, bút dạ, bảng nhóm, phiếu học tập.

+ Trò: sgk, vở ghi, vở chuẩn bị bài.

**C- Tổ chức các hoạt động dạy học.**

**Hoạt động 1: Khởi động:**

*a-  Mục tiêu: :*

*- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.*

*b- Nội dung: HS theo dõi những bài thơ/ ca dao viết về đề tài phụ nữ.*

*c- Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân của HS*

*d- Tổ chức thực hiện:*

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS: Đọc những bài thơ/ ca dao viết về đề tài người phụ nữ

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

 - Bước 4: Kết luận, nhận định:GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**GV dẫn dắt:** Người phụ nữ  VN  vốn có nhiều phẩm chất tốt đẹp song lại phải chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội, đặc biệt là xã hội phong kiến. Chính vì lẽ đó mà họ đi vào thơ văn với những nét đẹp phẩm hạnh  nhưng cũng biết bao cay đắng, truân chuyên. Vũ Nương trong đoạn trích Chuyện người con gái Nam Xương là một trong những nhân vật như thế. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích này để tự hào và trân quý phụ nữ Việt hơn.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.**

*a- Mục tiêu: tìm hiểu tác giả, tác phẩm. Hiểu và trân trọng vẻ đẹp nhân vật Vũ Nương, có thái độ phê phán XH PK qua nhân vật Trương Sinh và cái chết oan của Vũ Thị.*

*b- Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV*

*c- Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv- Hs** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- B 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  1/. Trong thời gian 1,5 phút, em hãy vẽ sơ đồ tư duy những thông tin về t/ giả Nguyễn Dữ?  2/ Em hiểu gì về nhan đề tác phẩm *Truyền kì mạn lục?*  3/ Tác phẩm được viết bằng ngôn ngữ nào? Đề tài được khai thác từ đâu?  4/ Nhân vật chính trong *Truyền kì mạn lục* là ai?  **- B 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Hs làm việc cá nhân, trao đổi.  + Gv q/sát, giúp đỡ.  **- B3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện nhóm báo cáo KQTL.  **- B4: Kết luận, nhận định.**  HD đọc, đọc mẫu 1 đoạn, gọi hs tóm tắt VB:  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  1/ Tóm tắt VB theo các sự việc chính?  - Kết hợp đọc khi p/ tích VB.  2/ Nêu xuất xứ của VB?  3/ Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của VB?  4/ VB có bố cục mấy phần? Nêu nội dung từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Hs làm việc cá nhân, trao đổi.  + Gv q/sát, giúp đỡ.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  + Đại diện nhóm báo cáo KQTL.  **B4: Kết luận, nhận định.**  - Quan sát vào phần đầu VB:  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hoạt động cá nhân:**  ? Mở đầu VB, tác giả giới thiệu Vũ Nương với nét đẹp nào? Tìm chi tiết thể hiện?  ? Với cách giới thiệu đó tác giả cho thấy Vũ Nương là người ntn? Nét đẹp nào là nét nổi bật trong con người nàng?  ? Để cụ thể hóa đức hạnh của nàng, tác giả đã đặt nàng trong những mối quan hệ nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo, HS khác nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Với người chồng đa nghi, ít học, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nàng đã xử sự ntn? Tìm chi tiết?  ? Cách xử sự ấy cho thấy Vũ Nương là người vợ ntn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo, HS khác nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  1/ Khi tiễn chồng đi lính, tình cảm của nàng thể hiện ra sao? Phân tích lời tiễn biệt khi chồng nàng đi lính?  2/ Em có nhận xét gì về lời tiễn biệt ấy? Tác động của lời tiễn biệt đối với mọi người?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo, HS khác nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  1/ Trong thời gian chồng nàng ở lính, tình cảm Vũ Nương với chồng ntn? Tìm chi tiết?  2/ Em có nhận xét gì về việc sử dụng hình ảnh thể hiện nỗi nhớ chồng của Vũ Nương?  3/ Qua phần tìm hiểu trên em hãy cho biết trong mối quan hệ với chồng Vũ Nương là người phụ nữ ntn?  4/ Có thể đánh giá khái quát tình cảm của Vũ Nương với chồng ntn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân 2’; cặp 2’  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện cặp báo cáo, cặp khác nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định:** | **I- Đọc và tìm hiểu chung.**  ***1- Tác giả.***  - Nguyễn Dữ quê Thanh Miện, Hải Dương, là học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm  - Sống ở thế kỉ XVI- thời kì Lê- Mạc- Trịnh tranh giành quyền bính gây ra các cuộc nội chiến kéo dài.  - Ông học rộng tài cao nhưng chỉ làm quan 1 năm rồi về ở ẩn tại quê nhà, giữ cách sống thanh cao đến trọn đời.  - Sáng tác của ông thể hiện cái nhìn tích cực của ông đối với văn học dân gian.  ***2- Tác phẩm : Truyền kì mạn lục***  \* Nhan đề: *Truyền kì mạn lục(* ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền):  \* Ngôn ngữ, đề tài: Tác phẩm viết bằng chữ Hán, khai thác đề tài từ truyện cổ dân gian và các truyền thuyết lịch sử, dã sử của VN.  \* Nhân vật chính:  - Thường là những người phụ nữ đức hạnh khao khát một cuộc sống yên lành, hạnh phúc nhưng các thế lực bạo tàn và cả lễ giáo phong kiến khắc nghiệt xô đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất, bất hạnh…  - Một loạt những nhân vật khác là người trí thức có tâm huyết bất mãn với thời cuộc, không chịu trói mình trong vòng danh lợi chật hẹp.  ***3 - Văn bản: Chuyện người con gái Nam Xương.***  a- Đọc, tóm tắt văn bản và tìm hiểu chú thích.  b- Tìm hiểu chung:  \* Xuất xứ:  Chuyện người con gái Nam Xương là truyện thứ 16 trong 20 truyện của “Truyền kì mạn lục”. Truyện được Nguyễn Dữ tái tạo trên cơ sở một truyện cổ tích của VN.  \* Kiểu văn bản:  - Văn bản tự sự.  - Phương thức biểu đạt: Tự sự + miêu tả + biểu cảm.  \* Bố cục: 3 phần.  P1- Từ đầu -> “ *cha mẹ đẻ mình*” : Cuộc hôn nhân của Trương sinh và Vũ Nương , sự xa cách trong chiến tranh và phẩm hạnh của nàng  P2- Tiếp -> “ *đã qua rồi*” : Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.  P3- Còn lại : Vũ Nương được cứu sống và sống ở thủy cung của Linh Phi ; Nỗi oan được giải nhưng nàng quyết không trở về.  **II- Tìm hiểu chi tiết.**  ***1- Nhân vật Vũ Nương.***  *a- Phẩm hạnh của Vũ Nương.*  *Tính đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp.*  -> Xinh đẹp, dịu dàng và đức hạnh là nét nổi bật trong con người Vũ Nương.  a1- Với chồng:  \* Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày:  *Nàng luôn giữ gìn khuôn phép, không từng để gia đình thất hòa*  -> Đó là phẩm chất của người vợ hiền lương, biết giữ đạo làm vợ.  \* Khi tiễn chồng đi lính:  - Nàng đằm thắm rót chén rượu đầy tiễn chồng (dc).  - Lời tiễn biệt chứa chan tình nghĩa:  **+** Không mong chồng vinh hiển “ *đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về*” mà chỉ mong ngày về mang theo hai chữ *bình yên*  -> Đó là ước mong bình dị, không ham giàu sang phú quý, không mong vinh hiển; là ước mong rất đặc biệt trong XH lúc bấy giờ.  **+** Nàng cảm thông với những vất vả gian nan, lo lắng cho bước đường chinh chiến của chồng: “ *Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường… chưa có*”.  **+** Bày tỏ nỗi nhớ nhung khắc khoải của mình “ *khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ…cánh hồng bay bổng*”.  -> Lời tiễn biệt chồng đầy yêu thương, ân tình, khiến mọi người đều xúc động “*ứa hai hàng lệ”.* Trong nỗi niềm của người vợ xa chồng, nàng còn cảm thông cho cả nỗi niềm của người mẹ xa con.  \* Trong thời gian xa chồng:  Nàng thủy chung yêu chồng tha thiết, nỗi nhớ chồng khắc khoải dằng dặc theo tháng năm: *Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được*.  -> Dùng những hình ảnh ước lệ đẹp đẽ chỉ sự trôi chảy của thời gian ( “*bướm lượn đầy vườn*”- cảnh mùa xuân vui tươi; “ *mây che kín núi*”- cảnh mùa đông ảm đạm). Mượn cảnh vật thiên nhiên để diễn tả sự trôi chảy của thời gian đông qua lại xuân về; cùng với sự trôi chảy của thời gian là lòng người dằng dặc một nỗi buồn thương, nỗi nhớ chồng khôn xiết.  *TL: => Vũ Nương với chồng dịu dàng, yêu chồng chân thành, chung thủy.* |

**Hoạt động 3: Luyện tập.**

*a-  Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.*

*b- Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.*

*c- Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV đặt câu hỏi:** Qua phần 1 em hãy làm rõ phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, đức hạnh, hiếu thảo, thủy chung, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình ( dẫn chứng)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a-  Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bài tập.*

*b- Nội dung: HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.*

*c- Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.*

*d- Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**GV đặt câu hỏi:** Viết đoạn văn phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

+ Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, đức hạnh, hiếu thảo, thủy chung, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình ( dẫn chứng)

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá kết quả của HS

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Học bài, nắm tiểu sử tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

+ Học thuộc lòng tóm tắt văn bản "Chuyện người con gái Nam Xương

+ Soạn tiếp phần còn lại của văn bản.

             ( Đọc kĩ một lần toàn bộ văn bản, phân tích Nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh, bé Đản=> ý nghĩa tố cáo qua nhân vật Trương Sinh)

Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp người phụ nữ qua nhân vật Vũ Nương?

.........................................................................................................................................